CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2018/QĐ-CHP	*Hải Phòng, ngày 13 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành giá dịch vụ cảng biển đối với các tầu quân sự hoặc tầu nghiên cứu khoa học

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Căn cứ vào Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 26/06/2012 của Chủ tịch Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008 của Chủ tịch Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (gọi tắt là Cảng Hải Phòng);

Căn cứ kết luận hội nghị của Ban lãnh đạo Công ty về giá dịch vụ cảng biển của Cảng Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 08/2018/QĐ-CHP ngày 13/12/2017 của Tổng Giám đốc Công ty về giá dịch vụ cảng biển tại Cảng Hải Phòng đối với các Chủ tàu/ Đại lý vận tải biển quốc tế;

Xét đề nghị của phòng Kinh Doanh;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành giá dịch vụ cảng biển đối với các tầu quân sự hoặc tầu nghiên cứu khoa học tại Cảng Hải Phòng như sau:

1. Giá dịch vụ hỗ trợ tầu: Đơn vị tính: USD/lượt phục vụ vào hoặc ra

STT	Chiều dài toàn bộ của tầu yêu cầu hỗ trợ (LOA)	Đơn giá
1	Loại tầu có chiều dài (LOA) nhỏ hơn 90m	231
2	Loại tầu có chiều dài (LOA) từ 90m đến dưới 110m	535
3	Loại tầu có chiều dài (LOA) từ 110m đến dưới 130m	650
4	Loại tầu có chiều dài (LOA) từ 130m đến dưới 150m	765
5	Loại tầu có chiều dài (LOA) từ 150m đến dưới 170m	1.225
6	Loại tàu có chiều dài (LOA) từ 170m trở lên	1.800

2. Giá dịch vụ buộc/cởi dây: Đơn vị tính: USD/lần buộc hoặc cởi dây

STT	Trọng tải tầu	Tại cầu	Tại phao, vũng vịnh
1	Dưới 3.000 GT	14,0	28,0
2	Từ 3.000 GT đến dưới 6.000 GT	19,6	39,2
3	Từ 6.000 GT đến dưới 10.000 GT	27,4	54,8
4	Từ 10.000 GT đến dưới 20.000 GT	41,1	82,2
5	Từ 20.000 GT đến dưới 30.000 GT	62,0	120,0
6	Từ 30.000 GT trở lên	92,0	180,0

3. Giá dịch vụ thuê cầu cảng: 1,32 USD/mét cầu/giờ.

4. Giá dịch vụ hành khách, thủy thủ, thuyền viên qua cầu bến:

Cầu bến: 1,00 USD/người/lượt vào hoặc ra

Dịch vụ tiện ích kèm theo: 1,00 USD/người/lượt vào hoặc ra

5. Giá dịch vụ thuê bãi Cảng: 1,31 USD/m^2/tháng

(Dưới 15 ngày tính 1/2 tháng. Từ 15 ngày trở lên đến 30 ngày tính 01 tháng)

6. Giá dịch vụ phục vụ an ninh (tính theo chuyến)

6.1. Thuê vỏ container để rào chắn mũi tầu, đuôi tầu:

- Container 20': 70 USD/container
- Container 40': 100 USD/container

6.2. Thuê rào mềm di động để rào chắn mũi tầu và đuôi tầu: 6,0 USD/m.

6.3. Tổ chức bố trí xe phòng cháy chữa cháy: 1.000 USD/chuyến

6.4. Tổ chức lực lượng phục vụ an ninh, bảo vệ: 700 USD/chuyến

7. Giá dịch vụ thuê xe nâng hàng:

- Loại 5 tấn ÷ 10 tấn: 16 USD/giờ
- Loại 20 tấn ÷ 30 tấn: 32 USD/giờ
- Loại Kalmar 42 tấn: 57 USD/giờ
- Loại TCM 10 tấn: 23 USD/giờ

(Mức thu tối thiểu cho một chuyến tầu là 04 giờ).

8. Các dịch vụ phát sinh khác (theo yêu cầu): giá thoả thuận giữa Cảng Hải Phòng và Khách hàng.

Điều 2. Giá quy định tại Quyết định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Việc tính thuế giá trị gia tăng sẽ căn cứ theo quy định của Nhà nước để thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 và thay thế cho quyết định số 10/2017/QĐ-CHP ngày 14/12/2016.

Điều 4. Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu, các giám đốc Chi nhánh Công ty, trưởng các phòng liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi ủy quyền để thực hiện. Trường hợp phát sinh tác nghiệp, chủng loại hàng hoá không quy định trong Quyết định này, các đơn vị có ý kiến về phòng Kinh Doanh báo cáo xin ý kiến Tổng Giám đốc trước khi thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Cục quản lý giá - Bộ Tài Chính (để BC);
- Cục Hàng hải Việt Nam (để BC);
- Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (để BC);
- Chủ tịch HĐQT;
- Ban điều hành Công ty;
- Lưu: VT, KD.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0200258845-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
Q.NGÔ QUYỀN T.P HẢI PHÒNG

Nguyễn Hùng Việt